

Bản án số:106/2021/HS-ST

Ngày 29 - 10 - 2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Xuân Chung

Ông Nguyễn Văn Chấn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:***  
Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 88/2021/HS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa ra xét xử số 107/2021/QĐXXST- HS ngày 12/10/2021 đối với bị cáo:

1. Đỗ Thị V, sinh năm 1973. Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông: Đỗ Văn Đ (đã chết); con bà: Bùi Thị B, sinh năm 1926; bị cáo có 10 anh chị em ruột, bản thân là con thứ 09; chồng: Đặng Công V, sinh năm 1963; con: bị cáo có 03 con, lớn sinh 1991, nhỏ sinh 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2021. Hiện đang tạm giam “có mặt”.

**Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn K, sinh 1977 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Phan Tiến T, sinh 1997 “vắng mặt”

Địa chỉ: Số nhà 172A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

**Người có quyền lợi liên quan:**

Anh Đặng Công Đ, sinh 1991 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang

**Nhân chứng:**

Chị Hoàng Thị L, sinh 1970 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Năm 2016 do cần tiền làm ăn kinh doanh nên Đỗ Thị V đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 331, tờ bản đồ 92, diện tích 765,2 m<sup>2</sup>; địa chỉ tại thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/12/2013 mang tên vợ chồng V cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VPBank), phòng giao dịch Hiệp Hòa để vay tiền. Quá trình làm ăn bị thua lỗ, V phải vay mượn tiền của nhiều người, đến hạn trả nhưng bản thân không có khả năng trả nợ nên V đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (hay còn gọi là sổ hồng) của chính gia đình mình để thế chấp vay tiền trả nợ. Theo V khai vào đầu năm 2019, trong một lần đi xe khách từ Lạng Sơn về Bắc Giang (V làm nghề buôn bán tuyến Bắc Giang- Lạng Sơn), V đã gặp một người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đi cùng xe. Qua nói chuyện người đàn ông cho biết có khả năng làm giả được sổ hồng với giá 15.000.000 đồng. Sau đó, V về nhà liên lạc với người đàn ông qua Zalo rồi gửi ảnh photocopy đặt làm giả sổ hồng trùng khớp với sổ của gia đình V nhưng tên chủ sử dụng đất chỉ ghi mang tên Đỗ Thị Vượng. Sau khi thống nhất, người đàn ông yêu cầu V chuyển cọc số tiền 10.000.000 đồng, V đồng ý rồi ra cửa hàng Thế giới di động ở thị trấn Kép, huyện L thuê chuyển khoản tiền cho người đàn ông. Một vài ngày sau, V nhận được sổ hồng giả qua xe khách tuyến Hà Nội- Lạng Sơn. Sau khi nhận được sổ hồng, V mang về nhà cất giấu, đồng thời xóa hết thông tin liên lạc với người đàn ông trên.

Đến đầu năm 2021, do cần tiền trả nợ và kinh doanh trong dịp Tết, V đã 02 lần sử dụng sổ hồng giả để thế chấp vay tiền, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 11/01/2021, thông qua mối quan hệ xã hội V đã sử dụng sổ hồng giả để thế chấp làm tin hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng của anh Phan Tiến T, sinh năm 1997 trú tại số nhà 172A, đường Thánh Thiên, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang. Tin tưởng Vượng, anh T đồng ý cho V vay số tiền trên và giữ sổ hồng của V làm tin. Ngày 06/02/2021, anh T đưa trả sổ hồng cho V để V thế chấp vay tiền của anh Khánh để trả tiền anh T thì bị phát hiện.

Lần thứ hai: Vào đầu tháng 02 năm 2021, thông qua mối quan hệ quen biết Vượng liên lạc với anh Nguyễn Văn Khánh, sinh năm 1977 ở thôn Phương Lạn 3, xã PS, huyện Lục Nam hỏi vay tiền. Qua trao đổi thống nhất anh Khánh đồng ý cho V vay số tiền 400.000.000 đồng nhưng V phải ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Khánh nên V đã liên hệ với anh T để lấy lại sổ hồng và hứa thanh toán tiền nợ cho T ngay sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, anh T đồng ý. Đến chiều ngày 06/02/2021, V đi cùng chị Hoàng Thị Liệu và anh Phan Tiến T đến Văn phòng Công chứng Lục Nam ở thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Khánh. Sau khi ký xong hợp đồng anh Khánh giao cho V số tiền 350.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của V mở tại Ngân hàng Techcombank số tiền 26.000.000 đồng, V giao sổ hồng cho anh Khánh. Sau khi nhận tiền, sổ hồng thì Vượng, anh Khánh cùng Công chứng viên cùng ký hợp

đồng thì Công chứng viên phát hiện sổ hồng bị làm giả nên đã trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, V đầu thú giao nộp số tiền 350.000.000 đồng; 01 hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 06/02/2021; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 12 ngày 05/02/2021; 01 sổ hộ khẩu cấp ngày 05/02/2021 mang tên chủ hộ Đỗ Thị V; 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị V (là bản phô tô).

Cùng ngày anh Nguyễn Văn Khánh giao nộp: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thông tin thửa đất số 331, tờ bản đồ 92, diện tích 765,2 m<sup>2</sup> địa chỉ tại thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang mang tên Đỗ Thị V; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 06/02/2021; 01 giấy nhận tiền viết tay với số tiền 400.000.000 đồng có chữ ký của Vượng, anh Khánh (đều là bản gốc); 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Văn Khánh; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Khánh (đều là bản photo).

Ngày 09/02/2021, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của Đỗ Thị V thu giữ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Công Vị và Đỗ Thị V số CH 00333; 01 giấy đăng ký kinh doanh mang tên Đỗ Thị V (đều là bản photo); 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đề ngày 05/02/2021.

Tại Bản kết luận giám định số 270/KL-KTHS ngày 08/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

- Phôi “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BR 392449, mang tên Đỗ Thị V gửi giám định (ký hiệu A) là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M2 đến M6) là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Nghĩa dưới mục "TM.UBND huyện L" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của ông Nguyễn Văn Nghĩa trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M2 đến M7) là không phải do cùng một người ký ra.

Đối với người đàn ông V khai làm sổ hồng giả cho V, quá trình điều tra V khai liên lạc, trao đổi qua Zalo, khi nhận sổ hồng V nhận qua phương tiện công cộng. Sau khi giao dịch xong, V đã xóa hết thông tin và không nhớ đặc điểm phương tiện công cộng. Cơ quan điều tra đã làm việc với Thế giới di động (nơi V chuyển tiền cọc) nhưng không xác định được thông tin cụ thể của người nhận tiền nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý.

Đối với chị Hoàng Thị L đi cùng với V đến Văn phòng công chứng Lục Nam, quá trình điều tra xác định chị L chỉ đi cùng, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của V nên Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam cũng không đề cập xử lý.

Đối với anh Phan Tiến T là người chở V, chị Liệu đi làm thủ tục tại Văn phòng công chứng Lục Nam. Quá trình điều tra anh T không biết V làm giả sổ hồng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Công Việt (là con bị cáo) đã hoàn trả số tiền 26.000.000 đồng anh Khánh. Anh Khánh có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh T yêu cầu V trả lại anh số tiền 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại số tiền 350.000.000 đồng cho anh Khánh. Còn đối với những vật chứng thu giữ của V khi đến đầu thú, của anh Khánh và khi khám xét nhà V được lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Đỗ Thị V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số/66CT- VKS ngày 23/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Đỗ Thị V phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Đỗ Thị V đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Đặng Công Định là con của bị cáo V trình bày, đã trả cho bị hại anh Phan Tiến T 50.000.000 đồng và xuất trình giấy chuyển tiền cho anh T qua ngân hàng.

Đại diện VKSND huyện Lục Nam sau khi luận tội, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng điều luật, xử phạt đối với bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V từ 08 đến 09 năm tù. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V từ 3 đến 4 năm tù. Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 55 BLHS tổng hợp bị cáo Đỗ Thị V phải chịu phạt tù cả hai tội là từ 11 đến 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/02/2021 và Phạt bổ sung bằng tiền 15.000.000 đồng

- Về vật chứng: Tài liệu làm giả được lưu hồ sơ vụ án.

- Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án bị cáo và gia đình đã bồi thường đầy đủ cho anh Nguyễn Văn Khánh. Sau khi Viện kiểm sát ra Cáo trạng truy tố thì gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh T 50.000.000 đồng theo anh T yêu cầu.

- Về án phí: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí HSST theo luật định.
- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Do cần tiền chi tiêu, trả nợ và kinh doanh nên Đỗ Thị V đã thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 331, tờ bản đồ 92, diện tích 765,2 m<sup>2</sup> địa chỉ tại thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang của chính gia đình mình, mục đích để thế chấp vay tiền. Ngày 11/01/2021, V dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên để thế chấp và chiếm đoạt của anh Phan Tiến T số số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 06/02/2021, V tiếp tục dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên để thế chấp và chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Khánh số tiền 376.000.000 đồng. Khi V và anh Khánh đang làm thủ tục thì bị phát hiện, xử lý.

[3] Các hành vi trên của Đỗ Thị V đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo phạm tội 02 lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đều thú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của người khác và đã xâm phạm đến những quy định của nhà nước về quản lý và sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong tình hình hiện nay.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là 10.000.000 đồng và với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là 5.000.000 đồng.

[5] Về vật chứng: Các vật chứng đã được lưu trữ trong hồ sơ vụ án

Bị cáo phải chịu án phí và được kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V 08(tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V 3(ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 55 BLHS tổng hợp quyết định hình phạt bị cáo Đỗ Thị V phải chịu hình phạt tù cho cả hai tội là 11(mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/02/2021. Phạt bổ sung bằng tiền cho cả hai tội là 15.000.000 đồng

- Trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo V đã hoàn trả cho anh Phan Tiến T 50.000.000 đồng

2-Án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt án.

#### **Nơi nhận**

- TAND Tỉnh; Sở tư pháp
- VKSND huyện; VKS tỉnh
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Lục Nam;
- Bị cáo; bị hại
- HS vụ án- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Văn Bảo